

Bản án: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đoàn, kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: thôn V, xã V, huyện L, tỉnh V

Địa chỉ hiện nay: thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh V (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đào Đức Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn V, xã V, huyện L, tỉnh V (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng trình bày: chị kết hôn với anh Đào Đức Th ngày 19/02/2014. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh V. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Th ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên xảy

ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó tới nay, hai bên cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đào Đức H, sinh ngày 28/10/2014. Hiện nay cháu đang ở cùng anh Th. Ly hôn chị để anh Th trực tiếp nuôi cháu H, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Đức Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Về thời gian kết hôn như chị Ng trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do xung đột nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị Ng xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin được đoàn tụ, nhưng nếu chị Ng kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Ng trình bày là đúng, nếu ly hôn anh xin nuôi con và chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng, cho chị Ng được ly hôn anh Th, đề nghị giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Đức H, sinh ngày 28/10/2014 và chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ng khởi kiện anh Th tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn anh Đào Đức Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại xã V, huyện L nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ng vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Ng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ng với anh Th là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh V. Quá trình chung sống anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy vợ chồng chị Ng, anh Th đã sống ly thân một thời gian dài, trong quá trình ly thân hai bên không thăm hỏi, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa chị Ng và anh Th không đạt được, tại phiên tòa anh Th cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ly thân một thời gian dài mà không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu chị Ng kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý. Do vậy việc chị Ng xin ly hôn anh Th là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng chị Ng, anh Th có 01 con chung là cháu Đào Đức H, sinh ngày 28/10/2014. Hiện nay, cháu H đang ở cùng anh Th, kể từ khi chị Ng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay. Chị Ng và anh Th đã thỏa thuận để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu H, chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận giữa chị Ng và anh Th là hoàn toàn tự nguyện, mặt khác từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H đã ở ổn định với anh Th nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị Ng, anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng. Xử cho Chị Nguyễn

Thị Ng được ly hôn với anh Đào Đức Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Đức H, sinh ngày 28/10/2014. Chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007538 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Ng phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Minh Hiệp